



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số 520/QĐ-VACI ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Phòng thí nghiệm: Suorec Vina Laboratory

Laboratory: Suorec Vina Laboratory

Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH ORITEC VINA

Holding organization: ORITEC VINA Company Limited

Lĩnh vực: **Thử nghiệm Hóa học, Cơ, Điện - Điện tử**

Field: *Chemical, Mechanical, Electrical - Electronic Testing*

Người phụ trách/Representative: **钟欣 Zhong Xin**

Người có thẩm quyền ký/Approved signatory:

TT/No	Họ và tên/Full name	Phạm vi được ký/Scope
1.	钟欣 Zhong Xin	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
2.	Huang Cui Zhen	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>

Số hiệu/Code: **VALAS 207**

Hiệu lực công nhận/Period of Validity: **26/3/2031**

Địa chỉ trụ sở/Head office address:

Lô CN-07, KCN Nham Sơn - Yên Lư, phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Lot CN-07, Nham Son - Yen Lu industrial park, Yen Dung ward, Bac Ninh province, Vietnam

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Laboratory address:

Lô CN-07, KCN Nham Sơn - Yên Lư, phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Lot CN-07, Nham Son - Yen Lu industrial park, Yen Dung ward, Bac Ninh province, Vietnam

Số điện thoại/Phone: 02043866669

Email: vntech05@suorec.com

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học

Field of testing: Chemical Testing

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/Name of product/material tested	Tên phép thử cụ thể/ Specific test name	Phạm vi đo/Giới hạn định lượng (nếu có)/ Measuring range/Quantification limit (if any)	Phương pháp thử/ Test method
1.	<i>Wiping Materials Used in Cleanrooms and Other Controlled Environments</i>	Extractable/leachable Lithium ion testing	0.003 µg/mL	IEST-RP- CC004.4(2019)
2.		Nonvolatile Residue testing (Extraction solution: Isopropyl alcohol)	50 µg/g	IEST-RP- CC004.4(2019)
3.		Extractable/leachable Sodium ion testing	0.003 µg/mL	IEST-RP- CC004.4(2019)
4.		Extractable/leachable Ammonium ion testing	0.003 µg/mL	IEST-RP- CC004.4(2019)
5.		Extractable/leachable Potassium ion testing	0.003 µg/mL	IEST-RP- CC004.4(2019)
6.		Extractable/leachable Magnesium ion testing	0.003 µg/mL	IEST-RP- CC004.4(2019)
7.		Extractable/leachable Calcium ion testing	0.003 µg/mL	IEST-RP- CC004.4(2019)
8.		Extractable/leachable Fluoride ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP- CC004.4(2019)
9.		Extractable/leachable Chloride ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP- CC004.4(2019)
10.		Extractable/leachable Nitrite ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP- CC004.4(2019)
11.		Extractable/leachable Bromide ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP- CC004.4(2019)
12.		Extractable/leachable Nitrate ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP- CC004.4(2019)
13.		Extractable/leachable Phosphate ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP- CC004.4(2019)
14.		Extractable/leachable Sulfate ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP- CC004.4(2019)
15.	<i>Gloves and Finger Cots Used in Cleanrooms and Other Controlled Environments</i>	Total nonvolatile residue analysis (Extraction solution: Isopropyl alcohol)	50 µg/g	IEST-RP-CC005.4 (2013)
16.		Extractable/leachable Lithium ion testing	0.003 µg/mL	IEST-RP-CC005.4 (2013)
17.		Extractable/leachable Sodium ion testing	0.003 µg/mL	IEST-RP-CC005.4 (2013)
18.		Extractable/leachable Ammonium ion testing	0.003 µg/mL	IEST-RP-CC005.4 (2013)

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/Name of product/material tested	Tên phép thử cụ thể/ Specific test name	Phạm vi đo/Giới hạn định lượng (nếu có)/ Measuring range/Quantification limit (if any)	Phương pháp thử/ Test method
19.		Extractable/leachable Potassium ion testing	0.003 µg/mL	IEST-RP-CC005.4 (2013)
20.		Extractable/leachable Magnesium ion testing	0.003 µg/mL	IEST-RP-CC005.4 (2013)
21.		Extractable/leachable Calcium ion testing	0.003 µg/mL	IEST-RP-CC005.4 (2013)
22.		Extractable/leachable Fluoride ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP-CC005.4 (2013)
23.		Extractable/leachable Chloride ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP-CC005.4 (2013)
24.		Extractable/leachable Nitrite ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP-CC005.4 (2013)
25.		Extractable/leachable Bromide ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP-CC005.4 (2013)
26.		Extractable/leachable Nitrate ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP-CC005.4 (2013)
27.		Extractable/leachable Phosphate ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP-CC005.4 (2013)
28.		Extractable/leachable Sulfate ion testing	0.006 µg/mL	IEST-RP-CC005.4 (2013)

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical Testing

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/Name of product/material tested	Tên phép thử cụ thể/ Specific test name	Phạm vi đo/Giới hạn định lượng (nếu có)/ Measuring range/Quantification limit (if any)	Phương pháp thử/Test method
1.	Wiping Materials Used in Cleanrooms and Other Controlled Environments	Particulate testing	Measure particle size: 0.5 µm ÷ 100 µm	IEST-RP- CC004.4(2019)
2.		Tests for Sorbent capacity and Sorbency rate	-	IEST-RP- CC004.4(2019)
3.	Gloves and Finger Cots Used in Cleanrooms and Other Controlled Environments	Particle release testing	Measure particle size: 0.5 µm ÷ 100 µm	IEST-RP-CC005.4 (2013)
4.		Area testing	-	IEST-RP-CC005.4 (2013)

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/Name of product/material tested	Tên phép thử cụ thể/ Specific test name	Phạm vi đo/Giới hạn định lượng (nếu có)/ Measuring range/Quantification limit (if any)	Phương pháp thử/Test method
5.	Cleanrooms and associated controlled environments	Particle concentration testing	Measure particle size: 0.3 µm, 0.5 µm, 1.0 µm, 5 µm	ISO 14644-1:2015
6.		Temperature testing	0.1°C /(10°C ÷ 40°C)	ISO 14644-3:2019
7.		Humidity testing	0.1% RH/(30% RH ÷ 80% RH)	ISO 14644-3:2019
8.	Cleanroom garments	Helmke Drum Test	Measure particle size: 0.3 µm, 0.5 µm, 1.0 µm, 5 µm	D2.5 IEST-RP-CC003.5

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện - Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic Testing

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/Name of product/material tested	Tên phép thử cụ thể/ Specific test name	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/ Measuring range/Quantification limit (if any)	Phương pháp thử/ Test method
1.	Anti-static cleanroom garment	Point-to-point resistance testing	10Vdc; 100Vdc 10 ³ Ω ÷ 10 ¹³ Ω 1mm ÷ 600mm	SJT 10694-2022
2.		Surface resistivity testing	10Vdc; 100Vdc 10 ³ Ω/□ ÷ 10 ¹² Ω/□ 1s ÷ 60s	GB/T 24249-2009

Ghi chú/Note:

- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế/*International Organization for Standardization.*

Trường hợp Suorec Vina Laboratory - Công ty TNHH ORITEC VINA cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa thì phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/*In case of providing product quality testing services, Suorec Vina Laboratory - ORITEC VINA Company Limited must register and be granted a certificate of operation registration in accordance with the law before providing this service.*